Chi tiết mã HS 8543.70.30

Mã HS	8543.70.30
Mô tả hàng hóa	Máy và thiết bị điện, có chức năng riêng, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Máy và thiết bị khác: / - - Máy, thiết bị điện có chức năng phiên dịch hoặc từ điển
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 01:50:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85437030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16011
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	144/2024/NĐ-CP	2024-11-01	BT2026!N16011
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16011
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15357
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15286
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15286
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15286
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15286
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15286
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15286
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15342
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15342

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15342
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15342
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15342
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15342
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15343
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15343
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15343
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15343
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15343
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15343
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15344
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15292
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15300
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15300
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15300
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15300
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15300
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15300
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15340
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15340
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15340
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15340
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15340
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15340
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15402
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15402

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15402
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15402
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15402
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15402
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15376
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15376
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15376
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15376
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15376
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15376
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15379
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15379
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15379
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15379
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15379
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15379
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15385
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15385
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15385
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15385
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15385
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15385
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15384
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15384
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15384
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15384

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15384
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15384
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15373
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15373
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15373
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15373
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15373
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15373
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15373
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15367
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15367
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15367
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15367
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15367
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15367
RCEP B	2022	2022	0	B!D15367
RCEP B	2023	2023	0	B!E15367
RCEP B	2024	2024	0	B!F15367
RCEP B	2025	2025	0	B!G15367
RCEP B	2026	2026	0	B!H15367
RCEP B	2027	2027	0	B!I15367
RCEP C	2022	2022	0	C!D15367
RCEP C	2023	2023	0	C!E15367
RCEP C	2024	2024	0	C!F15367
RCEP C	2025	2025	0	C!G15367
RCEP C	2026	2026	0	C!H15367

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15367
RCEP D	2022	2022	0	D!D15366
RCEP D	2023	2023	0	D!E15366
RCEP D	2024	2024	0	D!F15366
RCEP D	2025	2025	0	D!G15366
RCEP D	2026	2026	0	D!H15366
RCEP D	2027	2027	0	D!I15366
RCEP E	2022	2022	0	E!D15370
RCEP E	2023	2023	0	E!E15370
RCEP E	2024	2024	0	E!F15370
RCEP E	2025	2025	0	E!G15370
RCEP E	2026	2026	0	E!H15370
RCEP E	2027	2027	0	E!I15370
RCEP F	2022	2022	0	F!D15367
RCEP F	2023	2023	0	F!E15367
RCEP F	2024	2024	0	F!F15367
RCEP F	2025	2025	0	F!G15367
RCEP F	2026	2026	0	F!H15367
RCEP F	2027	2027	0	F!I15367
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14332
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14332
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14332
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14332

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8543.70 có 8 dòng thuế; dòng 8543.70.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy, thiết bị điện có chức năng phiên dịch hoặc từ điển.	8543.70.10 Máy cung cấp năng lượng cho hàng rào điện; 8543.70.21 Thiết bị điều khiển từ xa hồng ngoại không dây dùng cho máy chơi trò chơi điện tử video, trừ bộ điều khiển trò chơi thuộc nhóm 95.04; 8543.70.29 Loại khác; 8543.70.40 Máy tách bụi hoặc khử tĩnh điện trong quá trình chế tạo tấm mạch PCB/PWBs(1) hoặc PCAs(1); máy làm đóng rắn vật liệu bằng tia cực tím dùng trong sản xuất tấm mạch PCB/PWBs(1) hoặc PCAs(1); 8543.70.50 Bộ khuếch đại vi sóng; máy ghi dữ liệu chuyến bay kỹ thuật số; đầu đọc điện tử di động hoạt động bằng pin để ghi và tái tạo văn bản, hình ảnh tĩnh hoặc tệp âm thanh (SEN); 8543.70.60 Thiết bị xử lý tín hiệu kỹ thuật số có khả năng kết nối với mạng có dây hoặc không dây để trộn âm thanh; các sản phẩm được thiết kế đặc biệt để kết nối với thiết bị hoặc dụng cụ điện tín hoặc điện thoại hoặc với mạng điện tín hoặc điện thoại	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8543.70.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8543.70.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16011), căn cứ 144/2024/NĐ-CP.		144/2024/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.